

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09-11-2023
“V/v tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lưu Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Bà Nguyễn Thị Thu Tâm.
2- Bà Lê Thị Thanh Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Ngọc Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Ngày 01 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 261/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 25 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Đồng Văn D, sinh năm: 1976. Địa chỉ: Xóm 9, xã A, huyện B, thành phố Hải Phòng.

- *Bị đơn:* bà Lê Thị Bích L, sinh năm: 1977. Địa chỉ: ấp 1, xã C, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

(Ông D, bà L có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/9/2023 của ông Đồng Văn D có nội dung như sau: Ông D và bà Lê Thị Bích L tự tìm hiểu được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 85 ngày 14/9/2020. Trong thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, tuy được gia đình hai bên hòa giải nhưng vợ chồng không hàn gắn được. Nhận thấy tình cảm giữa ông D và bà L không thể nào hàn gắn được nữa. Nay ông D yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị Bích L.

Về con chung: có 01 con chung tên Đồng Lê Phương U, sinh ngày 15/12/2010. Khi ly hôn ông Đồng Văn D giao con cho bà Lê Thị Bích L nuôi dưỡng và ông D không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Lê Thị Bích L trình bày: thời gian kết hôn đúng như lời ông D trình bày, nay ông D yêu cầu ly hôn thì bà L đồng ý.

Về con chung: có 01 con chung tên Đồng Lê Phương U, sinh ngày 15/12/2010. Khi ly hôn bà L đồng ý nuôi con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, hòa giải nhưng không được do nguyên đơn có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Ông Đồng Văn D nộp đơn yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị Bích L. Căn cứ nơi cư trú của bị đơn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: ông Đồng Văn D và bà Lê Thị Bích L có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung:

Bà Lê Thị Bích L thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông D. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

Căn cứ lời trình bày của ông D và bà L và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định sau:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử nhận thấy, ông D và bà L được pháp luật công nhận là vợ chồng. Hôn nhân của ông bà đã không có tiếng nói chung, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục tích hôn nhân không đạt được. Nay ông D vẫn kiên quyết xin ly hôn. Bà L thống nhất ly hôn xin vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án thể hiện ông D và bà L không có thiện chí hàn gắn hôn nhân với nhau. Như vậy, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa hai bên là trầm trọng nên yêu cầu xin ly hôn của ông D là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: có 01 con chung tên Đồng Lê Phương U, sinh ngày 15/12/2010. Hiện con đang sống với bà L, theo nguyện vọng của con muốn ở với mẹ và bà L cũng đồng ý nuôi con nên để ổn định tâm lý của trẻ, giao con cho bà L nuôi dưỡng là phù hợp nên chấp nhận. Ông Đồng Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con do bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông D phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều: 35, 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Áp dụng khoản 1 Điều 56 và các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đồng Văn D đối với bà Lê Thị Bích L.

Về quan hệ hôn nhân: ông Đồng Văn D được ly hôn bà Lê Thị Bích L.

Về con chung: bà Lê Thị Bích L được nuôi con chung tên Đồng Lê Phương U, sinh ngày 15/12/2010. Ông Đồng Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Lê Thị Bích L không yêu cầu.

Mặc dù không được trực tiếp nuôi con chung nhưng ông D có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đồng Văn D phải chịu 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông D đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001298 ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Ông Đồng Văn D đã nộp đủ án phí. Bà Lê Thị Bích L không phải chịu án phí.

3. Án xử sơ thẩm, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- UBND xã Bình Thạnh, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An;
- UBND xã Cao Nhân, huyện Thủy Nguyên.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Lưu Thủy